

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2021/DS-ST

Ngày: 02-6-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tuấn

2. Ông Lê Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 403/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Ngọc T**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: 321 Trần Văn K, Phường M, Quận S, TP.HCM.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Trọng Á**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 3453 K, phường, quận B, TP.HCM.

2. Bị đơn: Ông **Hồ Thanh T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: A5/130 ấp M, xã B, huyện B, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – Bà Hồ Thị Ngọc T, do Ông Nguyễn Trọng Á đại diện trình bày như sau:

Nguyên vào ngày 04/9/2018, ông T vay của bà T số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận là 2% tháng. Bà T và ông Hồ Thanh T có ký Hợp đồng vay tiền số

007209 quyền số 09TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Nguyễn Nguyệt Huệ.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng đến ngày 04/3/2019, ông T có trách nhiệm trả đủ số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng cho bà T và không có thỏa thuận sẽ gia hạn hợp đồng.

Đến nay, đã quá thời hạn trả nợ rất lâu, nhưng ông T vẫn chưa trả tiền nợ cũng như tiền lãi cho bà T. Mặc dù, bà T cũng đã gọi điện thoại và đến tận nhà nhiều lần để đòi nợ nhưng ông T vẫn viện nhiều lý do khác nhau để không trả nợ cho bà T.

Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bà T tiến hành khởi kiện vụ án và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, TP.HCM giải quyết các vấn đề sau đây:

Buộc Ông Hồ Thanh T thanh toán cho Bà Hồ Thị Ngọc T số tiền như sau:

1. Nợ gốc: 200.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền số 007209 do Văn phòng Công chứng Nguyễn Nguyệt Huệ, TP. Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 04/9/2018.

2. Lãi trên nợ gốc quá hạn tính từ ngày 05/3/2019 đến ngày 05/5/2021: $200.000.000 \text{ đồng} \times (10\% \times 150\%) \times 26 \text{ tháng} / 12 \text{ tháng} = 65.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền Ông Hồ Thanh T thanh toán cho Bà Hồ Thị Ngọc T là: $200.000.000 \text{ đồng} + 65.000.000 \text{ đồng} = 265.000.000 \text{ đồng}$.

Việc thanh toán thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, Ông Nguyễn Trọng Á vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn - Ông Hồ Thanh T trình bày như sau:

Bà T có cho ông T vay số tiền 200.000.000 đồng, hợp đồng được Văn phòng công chứng Nguyễn Nguyệt Huệ chứng nhận ngày 04/9/2018, đây cũng là thời điểm ông Tiên nhận tiền này.

Thời hạn vay 06 tháng từ ngày 04/9/2018 đến 04/3/2019, lãi suất vay do các bên thỏa thuận là 2%/tháng.

Thời gian hợp đồng có hiệu lực ông T thực hiện thanh toán đủ số tiền lãi theo thỏa thuận, tuy nhiên ông T chưa trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng cho bà T.

Ông T đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu thanh toán số tiền:

- Nợ gốc: 200.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền số 007209 do Văn phòng Công chứng Nguyễn Nguyệt Huệ, TP. Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 04/9/2018. Ông T yêu cầu trả dân mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ số tiền gốc 200.000.000 đồng

Ông T không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu thanh toán số tiền:

- Lãi trên nợ gốc quá hạn tính từ ngày 04/3/2019 đến ngày 04/6/2020: $200.000.000 \text{ đồng} \times 2\% \times 150\% \times 15 \text{ tháng} = 90.000.000 \text{ đồng}$.

- Lãi trên nợ lãi từ ngày 04/3/2019 đến ngày 04/6/2020: $90.000.000 \text{ đồng} \times 10\% / \text{năm} = 750.000 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa, Bị đơn - Ông Hồ Thanh T vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Hồ Thị Ngọc T khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản với Ông Hồ Thanh T đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Ông Hồ Thanh T cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Nguyễn Trọng Á, Ông Hồ Thanh T vắng mặt tại phiên tòa, có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Ông Nguyễn Trọng Á, Ông Hồ Thanh Tn.

[3] Theo Hợp đồng vay tiền ký ngày 04/9/2018 giữa bà T với ông T, được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Nguyệt Huệ ngày 04/9/2018, thể hiện: ông T có vay của bà T số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này, lãi suất vay: do hai bên tự thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật.

Theo Biên nhận ngày 04/9/2018 giữa bà T với ông T, thể hiện: ông T đã nhận đủ số tiền là 200.000.000 đồng.

[4] Ông Nguyễn Trọng Á đại diện nguyên đơn xác định: Trong quá trình vay mượn, ông T đã thanh toán đầy đủ khoản nợ lãi hàng tháng, tuy nhiên khi đến hạn trả nợ gốc (04/3/2019) thì ông T không trả.

[5] Bị đơn - Ông Hồ Thanh T xác định: Bà T có cho ông T vay số tiền 200.000.000 đồng, hợp đồng được Văn phòng công chứng Nguyễn Nguyệt Huệ chứng nhận ngày 04/9/2018, đây cũng là thời điểm ông T nhận tiền này.

Thời hạn vay 06 tháng từ ngày 04/9/2018 đến 04/3/2019, lãi suất vay do các bên thỏa thuận là 2%/tháng. Thời gian hợp đồng có hiệu lực ông Tiên thực hiện thanh toán đủ số tiền lãi theo thỏa thuận, tuy nhiên ông T chưa trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng cho bà T.

[6] Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

...

5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”.

[7] Căn cứ vào Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về lãi suất:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác liên quan có quy định khác. ...

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”.

[8] Bà T và ông T đều xác định: thời hạn vay 06 tháng từ ngày 04/9/2018 đến 04/3/2019, lãi suất vay do các bên thỏa thuận là 2%/tháng, ông T đã thanh toán đầy đủ khoản nợ lãi hàng tháng.

Vậy các bên thỏa thuận về lãi suất vượt quá 20%/năm (1,667%/tháng) của khoản tiền vay, nên mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

Ông T đã thanh toán tiền khoản nợ lãi 06 tháng từ ngày 04/9/2018 đến 04/3/2019 là 200.000.000 đồng x 2%/tháng x 06 tháng = 24.000.000 đồng.

Số tiền lãi ông Tiên phải thanh toán theo quy định là 200.000.000 đồng x 20%/năm x ½ năm = 20.000.000 đồng.

Do đó, số tiền lãi ông Tiên đã thanh toán vượt quá quy định là 24.000.000 đồng - 20.000.000 đồng = 4.000.000 đồng sẽ được tính thanh toán vào khoản tiền nợ gốc.

Đối với số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất là 10% x 150%/năm = 15%/năm là phù hợp với quy định, nhưng nguyên đơn yêu cầu tiền lãi tính trên nợ gốc quá hạn 200.000.000 đồng là chưa phù hợp.

[9] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Hồ Thị Ngọc T, cụ thể như sau:

Buộc Ông Hồ Thanh T trả lại Bà Hồ Thị Ngọc T số tiền như sau:

- Nợ gốc: 196.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền số 007209 do Văn phòng Công chứng Nguyễn Nguyệt Huệ, TP. Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 04/9/2018.

- Lãi trên nợ gốc quá hạn tính từ ngày 05/3/2019 đến ngày 05/5/2021: 196.000.000 đồng x (10% x 150%) x 26 tháng/12tháng = 63.700.000 đồng.

Tổng cộng là 259.700.000 đồng.

Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận đối với yêu cầu trả phần nợ gốc 4.000.000 đồng và phần lãi trên nợ gốc quá hạn 1.300.000 đồng của Bà Hồ Thị Ngọc T.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Thanh T phải chịu 12.985.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo Điều 27, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết.

Bà Hồ Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với phần yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận theo Điều 27, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết.

Bà Hồ Thị Ngọc T đã nộp số tiền 7.268.750 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0080024 ngày 27/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Hoàn lại cho Bà Hồ Thị Ngọc T số tiền chênh lệch 6.968.750 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Hồ Thị Ngọc T, cụ thể như sau:
Buộc Ông Hồ Thanh T trả lại Bà Hồ Thị Ngọc T số tiền như sau:

- Nợ gốc: 196.000.000 đồng (một trăm chín mươi sáu triệu đồng) theo Hợp đồng vay tiền số 007209 do Văn phòng Công chứng Nguyễn Nguyệt Huệ, TP. Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 04/9/2018.

- Lãi trên nợ gốc quá hạn tính từ ngày 05/3/2019 đến ngày 05/5/2021: $196.000.000 \text{ đồng} \times (10\% \times 150\%) \times 26 \text{ tháng} / 12 \text{ tháng} = 63.700.000 \text{ đồng}$ (sáu mươi ba triệu bảy trăm ngàn đồng)

Tổng cộng là 259.700.000 đồng (hai trăm năm mươi chín triệu bảy trăm ngàn đồng).

Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận đối với yêu cầu trả phần nợ gốc 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) và phần lãi trên nợ gốc quá hạn 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm ngàn đồng) của Bà Hồ Thị Ngọc T.

Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Thanh T phải chịu 12.985.000 đồng (mười hai triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hồ Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hồ Thị Ngọc T đã nộp số tiền 7.268.750 đồng (bảy triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0080024 ngày 27/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

Hoàn lại cho Bà Hồ Thị Ngọc T số tiền chênh lệch 6.968.750 đồng (sáu triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

3. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT-HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lê Ngọc Hải